DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2

LIST OF ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: 3140 ***/QĐ – VPCNCLQG ngày*** *21* ***tháng 10 năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/of BoA Director)***

Tên phòng thí nghiệm:	**Trung tâm Quản lý Chất lượng Nước**
Laboratory:	***Water Quality Control Center***
Tổ chức/ Cơ quan chủ quản:	**Công ty CP - Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương**
Organization:	***Binh Duong Water – Environment Corporation - Joint Stock Company***
Số hiệu/*Code:*	**VILAS 817**
Chuẩn mực công nhận/ *Accreditation criteria*	**ISO/IEC 17025:2017**
Lĩnh vực:	**Hóa**
Field:	***Chemical***
Người quản lý	**Mai Thị Đẹp**
Laboratory manager:	***Mai Thi Dep***
Hiệu lực công nhận/ Period of validation:	**Kể từ ngày** *21* **/10/2026 đến ngày 18/09/2029**
Địa chỉ/ *Address:*	**Số 138 đường Lý Tự Trọng, Khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh** ***No. 138 Ly Tu Trong Street, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City***
Địa điểm */Location:*	**Số 138 đường Lý Tự Trọng, Khu phố Phú Thọ 6, phường Thủ Dầu Một, thành phố Hồ Chí Minh** ***No. 138 Ly Tu Trong Street, Phu Tho 6 Quarter, Thu Dau Mot Ward, Ho Chi Minh City***
Điện thoại/ *Tel:*	**+(84) 0274.3883.522**
E-mail:	**ptnctnmtbd@gmail.com**
Website:	**www.biwase.com**

Lĩnh vực thử nghiệm: **Hóa**
Field of Testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
1.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng Chloroform (Trichloromethane) Phương pháp GC-MS *Determination of Chloroform (Trichloromethane) content* *GC-MS method*	2 µg/L	US EPA Method 5021A:2014 (xử lý mẫu/ *Sample treatment)* US EPA Method 8260D:2018 (Phân tích /*Analysis)*
2.		Xác định hàm lượng Bromodichloromethane Phương pháp GC-MS *Determination of Bromodichloromethane content* *GC-MS method*	2 µg/L	
3.		Xác định hàm lượng Dibromochloromethane Phương pháp GC-MS *Determination of Dibromochloromethane content* *GC-MS method*	2 µg/L	
4.		Xác định hàm lượng Bromoform (Tribromomethane) Phương pháp GC-MS *Determination of Bromoform (Tribromomethane) content* *GC-MS method*	2 µg/L	
5.		Xác định hàm lượng acid Monochloroacetic Phương pháp chiết lỏng-lỏng, dẫn xuất hóa và GC-MS *Determination of Monochloroacetic acid content* *Extraction method liquid – liquid, derivatized and GC-MS method*	15 µg/L	QT 48:2025 (Ref. US EPA Method 552.3:2003)
6.		Xác định hàm lượng acid Dichloroacetic Phương pháp chiết lỏng-lỏng, dẫn xuất hóa và GC-MS *Determination of Dichloroacetic acid content* *Extraction method liquid – liquid, derivatized and GC-MS method*	15 µg/L	

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ *Materials or product tested*	Tên phép thử cụ thể/ *The name of specific tests*	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo *Limit of quantitation (if any)/range of measurement*	Phương pháp thử/ *Test method*
7.	**Nước sạch** ***Domestic water***	Xác định hàm lượng acid Trichloroacetic Phương pháp chiết lỏng-lỏng, dẫn xuất hóa và GC-MS *Determination of Trichloroacetic acid content* *Extraction method liquid – liquid, derivatized and GC-MS method*	15 µg/L	QT 48:2025 (Ref. US EPA Method 552.3:2003)

Chú thích/ *Note*:

- US EPA: Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ/ *The United States Environmental Protection Agency*
- QT…: Phương pháp thử phòng thí nghiệm xây dựng/ *Laboratory developed method*

Trường hợp Trung tâm Quản lý Chất lượng Nước cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Quản lý Chất lượng Nước phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Water Quality Control Center that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*